

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình:**

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Ngành đào tạo:** Kế toán (Accounting)

**Mã ngành:** 51340301

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVD ngày ... tháng 9 năm 2012  
của Hiệu trưởng trường Đại học Phạm Văn Đồng)*

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán trình độ cao đẳng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở; có kỹ năng thực hành thành thạo về nghiệp vụ kế toán, đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị; đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức:

- Hiểu biết cơ bản về quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, đảm bảo sức khỏe, đáp ứng yêu cầu lao động, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Am hiểu về pháp luật kế toán và thuế hiện hành; chính sách, chuẩn mực chế độ kế toán và quản lý nhà nước về kinh tế để tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Kiến thức nền tảng về lĩnh vực ứng dụng như thống kê toán, xác suất, quy hoạch tuyến tính để đáp ứng khả năng tiếp cận các kiến thức chuyên môn.
- Kiến thức cơ sở về các lĩnh vực kinh tế xã hội và kinh tế ngành như: kinh tế quốc tế, tài chính tiền tệ, thuế, bảo hiểm, thị trường chứng khoán.
- Kiến thức cơ bản về phân tích và quản trị, tài chính để ứng dụng vào các phân hành công việc tại doanh nghiệp.
- Kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kế toán doanh nghiệp như: Kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán máy, thực hành sổ sách kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh tế, tài chính doanh nghiệp.

##### 1.2.2. Kỹ năng

- Tổ chức, thiết lập, triển khai, thực hiện công tác kế toán thông qua hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ sách kế toán.

- Lập và phân tích báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính

- Lập các báo cáo và quyết toán thuế: thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

- Kiểm tra, phân tích, đánh giá được tình hình tài chính, kế toán của doanh nghiệp; lập kế hoạch tài chính và cung cấp thông tin kế toán quản trị.

- Có kỹ năng trình bày, đàm phán, giao tiếp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, khả năng xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể.

### **1.2.3. Thái độ**

- Có ý thức trách nhiệm công dân, tự giác chấp hành pháp luật, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, cẩn thận, chính xác trong công việc.

- Có tác phong công nghiệp, phương pháp làm việc khoa học trong mọi hoạt động.

- Có tinh thần đoàn kết, sẵn sàng hợp tác và làm việc theo nhóm.

### **1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học**

- Trình độ B tiếng Anh hoặc TOEIC 300, có khả năng sử dụng cơ bản tiếng Anh trong công việc, học tập và nghiên cứu.

- Trình độ B tin học. Xử lý số liệu, hạch toán kế toán trên máy vi tính thông qua việc sử dụng phần mềm kế toán như ACSOFT, MISA, và một số phần mềm kế toán thông dụng khác.

### **1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Đảm nhận được chức danh kế toán viên phụ trách các phân hành kế toán tổng hợp tại các doanh nghiệp, nhân viên kế toán tại các công ty dịch vụ kế toán; nhân viên bán hàng ở các doanh nghiệp thương mại dịch vụ.

- Thực hiện trực tiếp hay điều hành, quản lý các phòng tài chính, kinh doanh, kế hoạch, trợ lý tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

## **2. Thời gian đào tạo: 3 năm**

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 100 tín chỉ (*không kể các nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh*)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

## **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**6. Thang điểm:** Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10; điểm học phần được chuyển thành điểm chữ.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Số tín chỉ
7.1.1.	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> (Không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP - AN)	<b>30</b>
7.1.2.	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>70</b>
7.1.2.1.	Kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành và ngành	24
7.1.2.2.	Kiến thức ngành	32
7.1.2.3.	Kiến thức bổ trợ	6
7.1.2.4.	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	8

### 7.2. Danh mục các học phần

TT	Mã học phần	Khối kiến thức/tên HP	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
<b>A. Khối kiến thức đại cương</b>			<b>30</b>	
<b>A. Lý luận chính trị</b>			<b>10</b>	
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	1
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3
<b>A2. Khoa học Xã hội</b>			<b>4</b>	
5		Pháp luật đại cương	2	
<b>Các học phần tự chọn 1: chọn 1 trong 2 học phần</b>			<b>2</b>	
6		Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
7		Lịch sử kinh tế quốc dân	2	
<b>A3. Ngoại ngữ</b>			<b>7</b>	
8		Tiếng Anh 1	3	
9		Tiếng Anh 2	2	8
10		Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	2	9
<b>A4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường</b>			<b>9</b>	
11		Toán cao cấp C	3	

12		Xác suất và thống kê B	2	11
13		Môi trường và con người	2	
14		Tin học đại cương	2	
<b>A5. Giáo dục thể chất</b>			<b>90 t</b>	
15		Giáo dục thể chất 1	30 t	
16		Giáo dục thể chất 2	30 t	15
17		Giáo dục thể chất 3	30 t	16
<b>A6. Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>			<b>135 t</b>	
18		Giáo dục quốc phòng - an ninh	135 t	
<b>B. Khối kiến thức chuyên nghiệp</b>			<b>70</b>	
<b>B1. Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành</b>			<b>24</b>	
19		Kinh tế vi mô	2	11
20		Kinh tế vĩ mô	2	19
21		Quản trị học	2	
22		Nguyên lý thống kê	2	20
23		Toán kinh tế	2	11
24		Pháp luật kinh tế	2	5
25		Tài chính - tiền tệ	3	19
26		Marketing căn bản	2	21
27		Nguyên lý kế toán	3	20
28		Kinh tế quốc tế	2	25
29		Soạn thảo văn bản	2	
<b>B2. Kiến thức ngành</b>			<b>32</b>	
30		Thống kê doanh nghiệp	2	22
31		Tài chính doanh nghiệp 1	3	25
32		Tài chính doanh nghiệp 2	2	25
33		Thuế	2	
34		Kế toán tài chính 1	4	27
35		Kế toán tài chính 2	3	27
36		Kế toán tài chính 3	2	27
37		Phân tích hoạt động kinh tế	3	32
38		Kiểm toán	2	36
39		Tin học kế toán	3	27
40		Thực hành kế toán	2	36
<b>Các học phần tự chọn 2: chọn 2 trong 3 học phần</b>			<b>4</b>	

41		Kế toán quản trị chi phí	2	36
42		Kế toán kho bạc	2	27
43		Kế toán ngân hàng	2	27
<b>B3. Kiến thức bổ trợ</b>			<b>6</b>	
44		Thị trường chứng khoán	2	25
45		Thanh toán quốc tế	2	28
46		Bảo hiểm đại cương	2	
<b>B4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>8</b>	
47		Thực tập tốt nghiệp	3	
48		Khóa luận tốt nghiệp	5	
49		Báo cáo tài chính ( <i>Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 1</i> )	3	
50		Phân tích báo cáo tài chính ( <i>Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 2</i> )	2	
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA</b>			<b>100</b>	

### 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Năm học	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại tín chỉ	Giờ lên lớp		Thực tập tại cơ sở	Tiểu luận, bài tập lớn, đồ án khóa luận	Tự học	Học phần tiên quyết
						Lý thuyết	Thực hành, Thí nghiệm, thảo luận				
Thứ nhất	I	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	bb	30				60	
		8	Tiếng Anh 1	3	bb	42	6			90	
		15	Giáo dục thể chất 1	30 t	bb	5	25				
		14	Tin học đại cương	2	bb	15	30			60	
		11	Toán cao cấp C	3	bb	45				90	
		13	Môi trường và con người	2	bb	30				60	
		21	Quản trị học	2	bb	25	10			60	
		<b>Cộng</b>			<b>14</b>						
	II	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	bb	45				90	1

	9	Tiếng Anh 2	2	bb	28	4			60	8	
	16	Giáo dục thể chất 2	30 t	bb		30				15	
	18	Giáo dục quốc phòng - an ninh	135t	bb	117	18					
	29	Soạn thảo văn bản	2	bb	30				60		
	12	Xác suất và thống kê B	2	bb	30				60	11	
	23	Toán kinh tế	2	bb	30				60	11	
	19	Kinh tế vi mô	2	bb	30				60	11	
<b>Các học phần tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần 6 hoặc 7</b>											
	6	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	tc	25	10			60		
	7	Lịch sử kinh tế quốc dân	2	tc	25	10			60		
	<b>Cộng</b>		<b>15</b>								
<b>Thứ hai</b>	<b>III</b>	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	bb	30			60	2	
		17	Giáo dục thể chất 3	30 t	bb		30			16	
		10	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	2	bb	28	4			60	9
		26	Marketing căn bản	2	bb	25	10			60	21
		20	Kinh tế vĩ mô	2	bb	30				60	19
		22	Nguyên lý thống kê	2	bb	30				60	20
		25	Tài chính - tiền tệ	3	bb	40	10			90	19
		44	Thị trường chứng khoán	2	bb	25	10			60	25
		27	Nguyên lý kế toán	3	bb	45				90	20
	<b>Cộng</b>		<b>18</b>								
	<b>IV</b>	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	bb	45				90	3
		5	Pháp luật đại cương	2	bb	25	10			60	
		28	Kinh tế quốc tế	2	bb	25	10			60	25
		30	Thống kê doanh nghiệp	2	bb	30				60	22
		31	Tài chính doanh nghiệp 1	3	bb	40	10			90	25
		32	Tài chính doanh nghiệp 2	2	bb	25	10			60	25
		34	Kế toán tài chính 1	4	bb	55	10			120	27
	<b>Cộng</b>		<b>18</b>								

<b>Thứ ba</b>	<b>V</b>	24	Pháp luật kinh tế	2	bb	22	16			60	5	
		33	Thuế	2	bb	30				60		
		35	Kế toán tài chính 2	3	bb	40	10			90	27	
		36	Kế toán tài chính 3	2	bb	25	10			60	27	
		45	Thanh toán quốc tế	2	bb	25	10			60	28	
		46	Bảo hiểm đại cương	2	bb	25	10			60		
		40	Thực hành kế toán	2	bb		60			60	36	
		<b>Các học phần tự chọn 2: Chọn 2 trong 3 học phần 41, 42, 43</b>										
		41	Kế toán quản trị chi phí	2	tc	30				60	36	
		42	Kế toán kho bạc	2	tc	30				60	27	
	43	Kế toán ngân hàng	2	tc	30				60	27		
	<b>Cộng</b>		<b>19</b>									
	<b>VI</b>	39	Tin học kế toán	3	bb	30	30			90	27	
		37	Phân tích hoạt động kinh tế	3	bb	35	10		15	90	32	
		38	Kiểm toán	2	bb	30				60	36	
		47	Thực tập tốt nghiệp	3	bb				135	90		
		48	Khóa luận tốt nghiệp	5					225			
		<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</b>										
		49	Báo cáo tài chính	3						90		
		50	Phân tích báo cáo tài chính	2						60		
<b>Cộng</b>		<b>16</b>										
<b>Tổng cộng</b>			<b>100</b>									

## 9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

### 9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác Lênin – Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin. Đó là, chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách là học thuyết đúng đắn nhất về lý luận nhận thức; là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, các quan điểm này đã làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động và phát triển của xã hội loài người.

Thông qua môn học giúp sinh hiểu rõ nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay để vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

## **9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2** (3 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.*

Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên lý luận cơ bản của hai trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin là Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Bộ phận Kinh tế chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: Giá trị, Giá trị thặng dư, các quy luật của kinh tế thị trường, về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa giúp sinh viên nhận biết bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Bộ phận Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về cách mạng xã hội chủ nghĩa - là phương thức để xóa bỏ triệt để chế độ áp bức, bóc lột; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Học phần này góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nối tiếp việc hình thành, hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận khoa học, Bước đầu xây dựng lý tưởng và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng nước ta .

## **9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.*

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam** (3 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Môn học giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, nhận định đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng đối với thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, hiểu rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.



### **9.5. Pháp luật đại cương**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung và những vấn đề lý luận cơ sở trong khoa học pháp lý Việt Nam; đồng thời giúp sinh viên hiểu biết về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức lý luận cơ bản, cho sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá các sự kiện, hành vi, vấn đề từ góc độ pháp lý. Từ hiểu biết về các chế định luật của một số ngành luật cơ bản sinh viên có thể vận dụng vào xử lý những tình huống thiết thực nhất trong thực tiễn đời sống và tự tiếp cận với những ngành luật khác.

### **9.6. Lịch sử các học thuyết kinh tế**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần giới thiệu hoàn cảnh, điều kiện ra đời, các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu, nội dung các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương, trọng nông, kinh tế chính trị tư sản cổ điển, cổ điển mới, tiểu tư sản, học thuyết Mác Lênin, các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế Phương đông cổ đại, lý luận của chủ nghĩa xét lại, cải lương, kinh tế thị trường các nước XHCN... Từ đó người học có thể nghiên cứu nhằm phê phán, kế thừa, chọn lọc, bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam

### **9.7. Lịch sử kinh tế quốc dân**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình phát triển kinh tế, đặc điểm kinh tế, các mô hình và xu hướng phát triển kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước đang phát triển, các nước ASEAN và một số nước như: Mỹ, Nhật Bản, Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam

### **9.8. Tiếng Anh 1**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Sinh viên làm quen với mẫu tự, cách phát âm, ngữ điệu của tiếng Anh. Sinh viên biết nói một số câu đơn giản. Sinh viên có thể viết một số câu đơn giản, chia động từ ở thì hiện tại

### **9.9. Tiếng Anh 2**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1.*

Sinh viên biết cách hỏi và trả lời câu hỏi. Sinh viên biết cách đề nghị, từ chối, chấp thuận, vạch kế hoạch. Sinh viên có thể viết các câu ghép, chia động từ ở thì tương lai. Sinh viên đạt trình độ A1 của chuẩn Châu Âu.

### **9.10. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 2.*

Sinh viên làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên về chuyên ngành kế toán, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên biết cách giải thích, biện luận đơn giản. Sinh viên biết hòa hợp giữa chủ từ và động từ, chia động từ ở thì quá khứ. Sinh viên đạt trình độ A2 của chuẩn Châu Âu.

### **9.11. Toán cao cấp C**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Toán cao cấp là môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất của toán học cao cấp như phép tính vi phân, tích phân, đại số tuyến tính. Với cấu trúc chặt chẽ, logic, Toán cao cấp cung cấp cho người học phương pháp tư duy khoa học, công cụ phục vụ cho việc nghiên cứu các ngành học khác nhau.

Chương trình Toán cao cấp được chia thành hai phần cơ bản gồm: phép tính vi phân, tích phân và đại số tuyến tính. Ngoài ra trong phần đầu của môn học, người học được bổ túc một phần kiến thức về số phức và ứng dụng của số phức.

### **9.12. Xác suất và thống kê B**

**(2 tín chỉ)**

*Điều kiện tiên quyết : Toán cao cấp C.*

Nội dung cụ thể của môn học gồm hai phần chính: phần xác suất và phần thống kê. Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, biến ngẫu nhiên và các phân phối của nó, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. Phần thống kê toán học giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết mẫu, các đặc trưng mẫu, các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết các bài toán này như bài toán ước lượng khoảng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy...

### **9.13. Môi trường và con người**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Giới thiệu về các khái niệm cơ bản về môi trường, những kiến thức cơ sở về các thành phần chủ yếu của môi trường trái đất, các nguyên lý sinh thái học, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, công nghệ môi trường, quản lý môi trường, những vấn đề cơ bản của môi trường và phát triển bền vững của con người.

### **9.14. Tin học đại cương**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về tin học, về cấu tạo và vận hành của máy tính điện tử, cách thức sử dụng một số hệ điều hành thông dụng và khai thác mạng máy tính nhằm giúp cho sinh viên hình thành và phát triển những kỹ năng sử dụng máy vi tính trong học tập cũng như trong các ứng dụng công việc chuyên môn sau này.

### **9.15. Giáo dục thể chất 1**

**(30 tiết)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu rõ về ảnh hưởng, tác dụng của luyện tập thể dục thể thao đối với cơ thể con người, các yếu tố vệ sinh trong tập luyện để nâng cao sức khỏe. Biết cách hướng dẫn và phòng tránh một số bệnh thường xảy ra trong học đường: phòng và chống bệnh cong vẹo cột sống, bệnh cận thị, đồng thời một số phương pháp đơn giản để hướng dẫn cho học sinh và tự tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe.

## **9.16. Giáo dục thể chất 2**

**(30 tiết)**

*Học phần tiên quyết: Giáo dục thể chất 1.*

Học phần cung cấp cho sinh những hiểu biết và lợi ích tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy dây ngắn và các bài thể dục đồng diễn đơn giản để có thể hướng dẫn cho học sinh và tập luyện nâng cao sức khoẻ.

## **9.17. Giáo dục thể chất 3**

**(30 tiết)**

*Học phần tiên quyết: Giáo dục thể chất 2.*

**9.18.** Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông và Bóng chuyền, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài.

## **9.19. Giáo dục quốc phòng - an ninh**

**(135 tiết)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

### **\* Học phần I: 45 tiết**

Đường lối quân sự Việt Nam đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mac – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

### **\* Học phần II: 45 tiết**

Công tác quốc phòng, an ninh được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập về một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

### **\* Học phần III: 45 tiết**

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương và giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

## **9.20. Kinh tế vi mô**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Toán cao cấp C.*

Học phần này gồm những kiến thức cơ bản về: Bản chất của kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế học vĩ mô; Những vấn đề về kinh tế cơ bản của doanh nghiệp và lý thuyết lựa chọn; Cung cầu và sự biến động, hình thành giá trên thị trường hàng hoá (thị trường đầu ra) và thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường đầu vào); Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp; Các hình thức thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp; Khuyết tật của thị trường và vai trò của chính phủ.

## **9.21. Kinh tế vĩ mô**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô.*

Nội dung giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm : Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế: mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn: giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

## **9.22. Quản trị học**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (Cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị; Hoạch định, tổ chức, giám đốc/ điều hành và kiểm tra/ kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/ thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

## **9.23. Nguyên lý thống kê**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.*

Học phần này cung cấp những lý luận về khoa học thống kê: Mối quan hệ giữa mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế xã hội số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Học phần tập trung vào nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế xã hội. Để nghiên cứu quá trình trên, thống kê sử dụng các phương pháp điều tra chọn mẫu, phân tổ thống kê, số tuyệt đối, số bình quân, chỉ số, dãy số biến động...

## **9.24. Toán kinh tế**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Toán cao cấp C.*

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về quy hoạch tuyến tính và các thuật toán để giải các bài toán quy hoạch tuyến tính cụ thể, về cặp bài toán quy hoạch tuyến tính đối ngẫu và mối liên hệ giữa chúng, về việc tìm tập phương án tối ưu của một bài toán quy hoạch tuyến tính khi biết một phương án tối ưu của bài toán đối ngẫu. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bài toán vận tải và các thuật toán để

giải các bài toán vận tải, đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức về sơ đồ mạng lưới.

Đây cũng là một học phần toán học ứng dụng, cung cấp những khái niệm và những phương pháp cơ bản để giải quyết các bài toán tối ưu thường gặp trong toán học và trong thực tiễn cuộc sống.

### **9.25. Pháp luật kinh tế**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương.*

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của pháp luật kinh tế như: hành vi kinh doanh, phương thức thực hiện hành vi kinh doanh, phương thức đầu tư, phát hiện các tranh chấp kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh, các chế tài áp dụng đối với hành vi vi phạm pháp luật kinh tế và vi phạm hợp đồng kinh doanh thương mại. Học xong môn học, sinh viên viết được hợp đồng kinh doanh thương mại, phân biệt rõ các loại hình kinh doanh và có thể tham gia vào các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, thực hiện được trình tự, thủ tục để giải quyết giải thể, phá sản doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại. Xây dựng cho sinh viên niềm tin và ý thức trong việc thực hiện những quy định pháp luật về kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ kinh tế.

### **9.26. Tài chính - tiền tệ**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô.*

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: chức năng tài chính tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước: ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng Trung ương, Ngân hàng Thương mại) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

### **9.27. Marketing căn bản**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Quản trị học.*

Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp, nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng, phương pháp luận nghiên cứu Marketing và các nghiên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường gồm các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

### **9.28. Nguyên lý kế toán**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.*

Học phần Nguyên lý kế toán nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung các hình thức tổ chức công tác kế toán.

### **9.29. Kinh tế quốc tế**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tài chính - tiền tệ.*

Kinh tế học quốc tế nghiên cứu sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các nền kinh tế trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khan hiếm để thoả mãn một cách tốt nhất nhu cầu của con người. Học phần không chỉ giới thiệu về các nguyên lý lý thuyết cơ sở của kinh tế học quốc tế, mà cả những tình huống thực tế và các vấn đề chính sách kinh tế quốc tế của các quốc gia.

### **9.30. Soạn thảo văn bản**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Nội dung: Môn soạn thảo văn bản giới thiệu các loại văn bản và những quy định của Nhà nước về công tác soạn thảo, quản lý văn bản (trong đó chủ yếu giới thiệu hệ thống văn bản hành chính Nhà nước); kỹ thuật soạn thảo văn bản nói chung và phương pháp soạn thảo một số văn bản thông dụng.

### **9.31. Thống kê doanh nghiệp**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý thống kê.*

Môn học thống kê doanh nghiệp nghiên cứu mặt lượng trong mối liên quan mật thiết các hiện tượng kinh tế - tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, bao gồm: các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh... thông qua các chỉ tiêu, phương pháp tính toán phù hợp nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như toàn ngành kinh tế.

### **9.32. Tài chính doanh nghiệp 1**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tài chính - tiền tệ.*

Học phần cung cấp các nội dung về sản cố định và vốn cố định, tài sản lưu động và vốn lưu động, lập kế hoạch khấu hao, nhu cầu vốn cũng như các biện pháp bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Cung cấp kiến thức và kỹ năng tính toán chi phí sử dụng vốn, đánh giá và ra quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp.

### **9.33. Tài chính doanh nghiệp 2**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tài chính - tiền tệ.*

Học phần đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: quản lý và lập kế hoạch chi phí, tính giá thành sản xuất sản phẩm; kế hoạch tiêu thụ sản phẩm sản xuất ra, xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến vấn đề về sáp nhập, mua lại và phá sản doanh nghiệp.

### **9.34. Thuế**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần này tập trung vào việc nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai, nộp thuế đối với Nhà nước.

### **9.35. Kế toán tài chính 1**

**(4 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Học phần Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 trình bày các tài khoản sử dụng cũng như phương pháp kế toán và việc vận dụng các chuẩn mực kế toán trong các phân hành kế toán doanh nghiệp như: Kế toán TSCĐ và bất động sản đầu tư, kế toán vật liệu và công cụ dụng cụ, tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán các khoản đầu tư tài chính.

### **9.36. Kế toán tài chính 2**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Học phần Kế toán tài chính 2 thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức về chứng từ sử dụng, các tài khoản sử dụng, ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp cũng như quy trình hạch toán từng phần hành kế toán và việc vận dụng các chuẩn mực kế toán trong các phân hành kế toán doanh nghiệp như: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ.

### **9.37. Kế toán tài chính 3**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Học phần Kế toán tài chính 3 thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức về chứng từ sử dụng, các tài khoản sử dụng, ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp, lập các báo cáo tài chính cũng như quy trình hạch toán từng phần hành kế toán và việc vận dụng các chuẩn mực kế toán trong các phân hành kế toán của doanh nghiệp hoạt động ở các lĩnh vực khác nhau như: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp; doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, báo cáo tài chính.

### **9.38. Phân tích hoạt động kinh tế**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Tài chính doanh nghiệp 2.*

Học phần này giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp phân tích tình hình sản xuất, phân tích các yếu tố của quá trình sản xuất, phân tích giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính, đề ra các giải pháp nhằm khai thác mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **9.39. Kiểm toán**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Kế toán tài chính 3.*

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng đối tượng và phương pháp của kiểm toán; các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; quy trình và phương pháp kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

### **9.40. Tin học kế toán**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ thuật tính toán căn bản trên máy tính ứng dụng trong thống kê và kế toán dựa vào phần mềm MICROSOFT EXCEL, phần mềm kế toán ACSOFT.

**9.41. Thực hành kế toán** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Kế toán tài chính 3.*

Thực hành sổ kế toán với 06 chuyên đề gắn với 06 bộ sổ chuẩn kế toán như kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.

**9.42. Kế toán quản trị chi phí** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Kế toán tài chính 3.*

Học phần này cung cấp thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp quản trị; sự khác biệt về mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

**9.43. Kế toán kho bạc** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán thuộc lĩnh vực đơn vị hành chính sự nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán, các yếu tố của quá trình kế toán tại các Kho bạc .

**9.44. Kế toán ngân hàng** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán.*

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán thuộc lĩnh vực ngân hàng: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình kế toán trong các ngân hàng.

**9.45. Thị trường chứng khoán** (2 tín chỉ)

*Học phần tiên quyết: Tài chính - tiền tệ.*

Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về TTCK: các chủ thể tham gia trên thị trường, tìm hiểu các công cụ lưu thông trên TTCK, nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên TTCK, phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.

Hoàn tất môn học, SV có thể thực hiện các nghiệp vụ mua bán chứng khoán trên thị trường, biết phân tích và định giá các chứng khoán hiện nay trên TTCK.

**9.46. Thanh toán quốc tế** (2 tín chỉ)



*Học phần tiên quyết: Kinh tế quốc tế.*

Tổng quan về hối đoái; Những điều kiện thanh toán quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương; Các phương tiện thanh toán quốc tế; Các phương thức thanh toán quốc tế.

**9.47. Bảo hiểm đại cương**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về bảo hiểm, cơ sở kỹ thuật và khung pháp lý hoạt động bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, các hình thức bảo hiểm.

**9.48. Thực tập tốt nghiệp**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Nội dung học phần thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, đặc điểm tổ chức quản lý kinh tế, đặc điểm tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nghiên cứu các phần hành của công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh (kế toán vốn bằng tiền, nợ phải thu và khoản ứng trước; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ...; mối quan hệ giữa các phần hành kế toán) từ khâu tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức tài khoản kế toán, sổ kế toán,...cho đến khi lập báo cáo kế toán.

**9.49. Khóa luận tốt nghiệp**

**(5 tín chỉ)**

**9.49. Báo cáo tài chính (Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 1)**

**(3 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Chuyên đề báo cáo tài chính trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng chung về hệ thống báo cáo tài chính cũng như các kiến thức cụ thể liên quan đến từng bảng báo cáo trong hệ thống báo cáo tài chính. Sau khi kết thúc chuyên đề, sinh viên có thể tự lập được các bảng báo cáo tài chính trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

**9.50. Phân tích báo cáo tài chính (Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 2)**

**(2 tín chỉ)**

*Học phần tiên quyết: Không.*

Học phần Chuyên đề phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho người học kiến thức nền tảng để có thể đọc và hiểu nội dung báo cáo tài chính; vận dụng được hệ thống chỉ tiêu và kỹ thuật, số liệu trong báo cáo tài chính để phân tích cơ cấu tài sản, cơ cấu vốn cũng như phân tích kết quả hoạt động của doanh nghiệp; định giá giá trị doanh nghiệp thông qua phân tích hệ thống báo cáo tài chính

**10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình:**

**10.1 Danh sách giảng viên cơ hữu:**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Thị Kim Anh	1966	ThS Triết học	- Những nguyên lý cơ bản của Chủ

				Nghĩa Mác Lênin
2	Lương Đình Hoè	1953	ThS Chính trị	- Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Trần Công Lượng	1964	ThS CNXH	- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam
4	Lương Văn Nghĩa	1964	ThS CNTT	- Tin học đại cương
5	Lâm Thanh Lộc	1964	CN Chính trị	- Pháp luật đại cương
6	Lê Thị Lệ Thu	1962	ThS Chính trị	- Lịch sử các học thuyết kinh tế
7	Phạm Quang Hiệp		CN Chính trị	- Lịch sử kinh tế quốc dân
8	Nguyễn Văn Thắm	1967	ThS Tiếng Anh	- Ngoại ngữ 1,2,3
9	Liên Vương Lâm	1984	ThS Toán	- Toán cao cấp
10	Nguyễn Tấn Sự	1967	ThS Toán	- Lý thuyết xác suất và thống kê toán
11	Phan Ý Nhi	1983	ThS CN Sinh học	- Môi trường và con người
12	Nguyễn Thị Hồng Đào	1982	ThS Kinh tế phát triển	- Kinh tế vi mô
13	Nguyễn Thị Huyền	1983	ThS QTKD	- Kinh tế vĩ mô
14	Cao Anh Thảo	1985	Cao học QTKD	- Quản trị học
15	Tạ Công Miên	1961	ThS Kinh tế	- Nguyên lý thống kê
16	Phan Bá Trình	1965	ThS Toán	- Toán Kinh tế
17	Huỳnh Thị Kim Hoa	1962	ThS Chính trị - Luật	- Pháp luật kinh tế
18	Phạm Thị Ý Nguyễn	1986	Cao học Tài chính- Ngân hàng	- Tài chính - tiền tệ
19	Nguyễn Thị Thúy Hằng	1975	Cao học Kinh tế phát triển	- Marketing căn bản
20	Huỳnh Thị Thanh Dung	1982	ThS Kế Toán	- Kế toán quản trị chi phí
21	Nguyễn Hoàng Ngân	1988	CN QTKD	- Kinh tế quốc tế
22	Huỳnh Thị Ngọc Kiều		ThS Văn học	- Soạn thảo văn bản
23	Nguyễn Quốc Khánh	1954	CN Thống Kê	- Thống kê doanh nghiệp
24	Huỳnh Đình Phát	1982	ThS QTKD	- Tin học kế toán - Tài chính Doanh nghiệp
25	Nguyễn Tấn Phước	1957	ThS Kinh tế- tài chính	- Thuế

26	Bùi Tá Toàn	1967	ThS Kinh tế	- Kế toán tài chính - Nguyên lý Kế toán
27	Nguyễn Thị Phương Hảo	1985	ThS Kế toán	-Phân tích hoạt động kinh tế
28	Phạm Thị Minh Hiếu	1987	CN Kế toán	- Kiểm toán
29	Trần Mai Lâm Ái	1983	ThS Kế toán	- Kế toán ngân hàng - Kế toán kho bạc
30	Trịnh Thị Xuân Vân	1983	ThS Kinh tế	- Bảo hiểm đại cương - Thanh toán quốc tế

## 11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

### 11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước SX	Ghi chú
1	Phòng thực hành kế toán trên máy ( gồm 30 máy tính) - Pentium IV-700Mhz - 15GB HDD; 1,44Mb FDD - 14” Monitor	Phòng	01		
2	Máy chiếu PROJECTOR	Cái	05	Japan	
3	Máy vi tính phục vụ giảng dạy	Cái	02	DNA	
4	Máy photocopy	Cái	01	Japan	
5	Màn chiếu Slide	Cái	02	T.Quốc	
6	Phần mềm kế toán DN Misa SME	Đĩa	02		
7	Biểu mẫu sổ giảng dạy	Biểu	30		

### 11.2. Thư viện:

Thư viện của nhà trường trang bị đầy đủ các đầu sách về kinh tế - tài chính (khoảng 800 đầu sách) phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập của sinh viên.

### 11.3. Giáo trình, bài giảng

STT	Tên GT, BG	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB
1	Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2009
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia Hà nội	2007

3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia.	
4	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia,	
5	New interchange A			
6	Giáo trình Anh ngữ: First Insights into Business			
7	Luật Điền kinh; Bóng chuyền; Cầu lông; Bóng bàn...		Thẻ dực thể thao	
8	Giáo trình Lý luận chung nhà nước và Nhà nước và pháp luật	PGS.TS. Hoàng Thị Kim Quế	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007
9	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Đại học Luật Hà Nội	Đại học Luật Hà Nội	2008
10	Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thuý	Trường Đại học Kinh Tế Quốc dân	
11	Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TS. Nguyễn Cao Văn, TS. Trần Thái Ninh	Giáo dục, Hà Nội	2002
12	Cơ sở khoa học môi trường.	Lưu Đức Hải	Đại học Quốc gia Hà Nội,	2002
13	Giáo trình “Tin học đại cương”		Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	
14	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2008
15	Tâm lý học đại cương	Đình Phương Duy	Tài liệu Khoa XHH	2005
16	Giáo trình Lịch sử kinh tế	Đại học Kinh tế Quốc dân	Đại học Kinh tế Quốc dân	
17	Giáo trình kinh tế học vi mô	TSKH. Ngô Đình Giao	Giáo dục	2009
18	Kinh tế học Vĩ mô	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục, Hà Nội	2009
19	Quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tài chính	2009
20	Lý thuyết thống kê	PGS.PTS Tô Thị	Giáo dục	2009

		Phượng,		
21	Toán kinh tế	Hoàng Đức Hải- Vũ Thị Bích Liên	Giáo Dục.	
22	Luật Kinh tế	Học viện Ngân hàng	Thống kê	2005
23	Lý thuyết tài chính - tiền tệ- ngân hàng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Hà Nội	2005
24	Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo	Thống kê	2007
25	Lý thuyết hạch toán kế toán	Ngô Hà Tấn	Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng	
26	Kinh tế quốc tế	GS. TS Hoàng Thị Chinh	Thống kê.	
27	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	GS.TS Phạm Ngọc Kiểm	Thương binh xã hội	2007
28	Tài chính doanh nghiệp – Học viện tài chính	PGS. TS Nguyễn Đình Kiệm; TS. Bạch Đức Hiên	Tài chính	2008
29	Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệm và TS. Bạch Đức Hiên	Tài chính	2008
30	Kế toán tài chính	Học viện Tài chính	Tài chính	2006
31	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Đại học Đà Nẵng	2004
32	Phân tích hoạt động kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM	Thống kê	2008
33	Lý thuyết kiểm toán	GS. TS Nguyễn Quang Quỳnh	Tài chính	2009
34	Kế toán máy	Nguyễn Thị Song Minh	Thống kê	2007
35	Kế toán kho bạc nhà nước	Học viện tài chính	Tài chính	
36	Kế toán Ngân hàng	Nguyễn Thị Thanh Hương & Vũ Thiệp Thập	Thống kê	2005
37	Kế toán công trong đơn vị hành chính sự nghiệp	Đại học Kinh tế Quốc dân	Tài chính	2005
38	Thị trường chứng khoán	TS Bùi Kim Yến,	Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	2007
39	Thị trường chứng khoán	TS Phạm Minh Kiều	Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM	2009

40	Hỏi đỏi và thanh toán quốc tế	TS Trần Hoàng Ngân	Thống kê	2009
----	-------------------------------	--------------------	----------	------

## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Chương trình giáo dục cao đẳng ngành Kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ trên cơ sở chuyển đổi từ chương trình giáo dục cao đẳng ngành kế toán theo niên chế đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt gồm 100 tín chỉ.

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

### **12.1. Đối với đơn vị đào tạo**

Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy. Chuẩn bị đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

### **12.2. Đối với giảng viên**

Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập giới thiệu cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án; giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

Giảng viên phải kiểm tra, đánh giá học phần để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện đúng quy chế của học chế tín chỉ.

### **12.3. Đối với sinh viên**

Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn và giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên thư viện số và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra và đánh giá.

**HIỆU TRƯỞNG**